

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2018**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 23



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2018) Thành viên (miễn nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2018)
Ông Võ Văn Hạng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2018)
Ông Trần Quốc Huy	Thành viên
Ông Phí Ngọc Khánh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Ánh	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2018) Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2018)
Ông Trần Quốc Huy	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2018)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Nguyễn Thị Mỹ Linh**  
Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

00112  
CÔNG  
H NHIỆM  
ELOI  
IẾT N  
ĐA - T

Số: 875 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2019, từ trang 5 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do các vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến**

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 180 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 99 tỷ VND); lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là khoảng 466,7 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 384,9 tỷ VND) và đã vượt quá vốn góp của chủ sở hữu. Công ty đang thiếu hụt nghiêm trọng khoản vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Công ty chưa có cam kết hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và chưa có nguồn tạo tiền để đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn và quá hạn. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về cam kết tiếp tục hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các bằng chứng cho thấy khả năng trả nợ của Công ty cho các khoản nợ đến hạn và đã quá hạn. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu báo cáo tài chính kèm theo được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (Tiếp theo)

(ii) Như trình bày tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm 2018, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu ("Bạc Liêu Tower") với giá trị thuần có thể thực hiện được là 122.000.000.000 VND căn cứ theo Thông báo số 96/TB-CCTHADS ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bạc Liêu về việc bán đấu giá thành công Bạc Liêu Tower. Tuy nhiên, tại ngày phát hành báo cáo tài chính kèm theo, Công ty đang tiếp tục làm việc với các bên liên quan để thực hiện các thủ tục chuyển nhượng Bạc Liêu Tower. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của Bạc Liêu Tower cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

(iii) Như trình bày tại Thuyết minh số 12 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C đang được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán với giá trị ghi sổ và giá trị dự phòng cho khoản đầu tư này lần lượt là 5,4 tỷ VND và 5,4 tỷ VND. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị hợp lý của khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

### Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.



**Đặng Chí Dũng**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0030-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 29 tháng 3 năm 2019  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Đỗ Trung Kiên**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1924-2018-001-1

10-  
TY  
HÀ  
TE  
M  
HÀ



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>186.806.386.233</b>	<b>262.558.859.536</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>1.845.049.157</b>	<b>3.827.978.569</b>
1. Tiền	111		1.845.049.157	1.432.978.569
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.395.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>42.031.715.369</b>	<b>57.888.749.322</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	46.631.494.242	61.057.100.520
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	1.946.165.167	3.348.238.956
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	24.468.143.134	25.772.036.631
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(31.109.874.898)	(32.535.713.314)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		95.787.724	247.086.529
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>138.753.830.666</b>	<b>196.428.240.072</b>
1. Hàng tồn kho	141		235.343.352.707	231.572.511.937
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(96.589.522.041)	(35.144.271.865)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.175.791.041</b>	<b>4.413.891.573</b>
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.175.791.041	4.413.891.573
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>8.373.320.039</b>	<b>9.057.094.486</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.373.320.039</b>	<b>9.057.094.486</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	8.272.070.039	8.955.844.486
- Nguyên giá	222		17.447.280.093	22.930.196.752
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.175.210.054)	(13.974.352.266)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	101.250.000	101.250.000
- Nguyên giá	228		338.318.800	338.318.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(237.068.800)	(237.068.800)
<b>II. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	12	5.400.000.000	5.400.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.400.000.000)	(5.400.000.000)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>195.179.706.272</b>	<b>271.615.954.022</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>366.884.007.665</b>	<b>361.626.431.865</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>366.884.007.665</b>	<b>361.626.431.865</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	47.572.072.022	66.265.540.128
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	1.693.693.403	1.693.693.403
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	35.757.110.859	33.859.157.807
4. Phải trả người lao động	314		546.012.123	546.012.125
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	96.627.268.509	74.375.524.207
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	65.148.220.431	65.346.873.877
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	119.539.630.318	119.539.630.318
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(171.704.301.393)</b>	<b>(90.010.477.843)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>(171.704.301.393)</b>	<b>(90.010.477.843)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		280.689.000.000	280.689.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		280.689.000.000	280.689.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.126.552.489	6.126.552.489
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.147.302.725	8.147.302.725
4. (Lỗ) lũy kế	421		(466.667.156.607)	(384.973.333.057)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(384.973.333.057)	(312.232.259.694)
- (Lỗ) năm nay	421b		(81.693.823.550)	(72.741.073.363)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>195.179.706.272</b>	<b>271.615.954.022</b>



**Nguyễn Xuân Liêm**  
Người lập biểu/  
Phụ trách kế toán

Ngày 29 tháng 3 năm 2019



**Nguyễn Thị Mỹ Linh**  
Giám đốc



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>21</b>	<b>9.651.711.220</b>	<b>161.048.001.525</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>9.651.711.220</b>	<b>161.048.001.525</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	69.788.613.249	154.424.694.333
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>(60.136.902.029)</b>	<b>6.623.307.192</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		107.678.147	139.114.208
7. Chi phí tài chính	22	24	19.098.697.218	60.722.427.476
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.098.697.218	55.322.427.476
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		3.258.815.275	12.016.894.545
<b>9. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)</b>	<b>30</b>		<b>(82.386.736.375)</b>	<b>(65.976.900.621)</b>
10. Thu nhập khác	31	25	3.067.113.755	5.579.166.925
11. Chi phí khác	32	26	2.374.200.930	12.343.339.667
<b>12. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>692.912.825</b>	<b>(6.764.172.742)</b>
<b>13. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(81.693.823.550)</b>	<b>(72.741.073.363)</b>
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	-	-
<b>15. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>(81.693.823.550)</b>	<b>(72.741.073.363)</b>
<b>16. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>28</b>	<b>(2.910)</b>	<b>(2.592)</b>

  
Nguyễn Xuân Liêm  
Người lập biểu/  
Phụ trách kế toán

Ngày 29 tháng 3 năm 2019



Nguyễn Thị Mỹ Linh  
Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. (Lỗ) trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(81.693.823.550)</b>	<b>(72.741.073.363)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	683.774.447	878.568.332
Các khoản dự phòng	03	60.019.411.760	9.631.503.517
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(2.049.932.059)	(139.114.208)
Chi phí lãi vay	06	19.098.697.218	55.322.427.476
<b>3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(3.941.872.184)</b>	<b>(7.047.688.246)</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	24.708.042.940	76.162.312.578
Thay đổi hàng tồn kho	10	(3.532.740.238)	(645.719.226)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(21.266.291.989)	(95.812.264.854)
Thay đổi chi phí trả trước	12	-	(436.297.555)
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(176.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(4.032.861.471)</b>	<b>(27.779.833.303)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1.942.253.912	2.064.777.031
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	107.678.147	139.114.208
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>2.049.932.059</b>	<b>2.203.891.239</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(2.887.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>(2.887.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(1.982.929.412)</b>	<b>(28.462.942.064)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>3.827.978.569</b>	<b>32.290.920.633</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>1.845.049.157</b>	<b>3.827.978.569</b>

Nguyễn Xuân Liêm  
Người lập biểu/  
Phụ trách kế toán

Ngày 29 tháng 3 năm 2019



Nguyễn Thị Mỹ Linh  
Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000117 ngày 25 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 14 số 2000492299 ngày 06 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 là 280.689.000.000 VND, tương ứng với 28.068.900 cổ phần.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 26 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 65 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Thoát nước và xử lý nước thải; Thu gom rác thải không độc hại; Thu gom rác thải độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; Tái chế phế liệu; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Tư vấn hồ sơ thiết kế quy hoạch xây dựng và thiết kế đô thị; Tư vấn đầu tư xây dựng, bao gồm: khảo sát đo đạc địa hình, khảo sát địa chất công trình; Lập dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn quản lý dự án, tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công - lập dự toán, tổng dự toán xây dựng công trình; Thẩm tra hồ sơ thiết kế, dự toán xây dựng công trình, thẩm tra dự toán quy hoạch xây dựng và dự toán chi phí các công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng; Tư vấn về đấu thầu; Giám sát khảo sát, thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị; Kiểm định chất lượng công trình; Tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; Tư vấn về định giá giá xây dựng công trình, lập định mức, đơn giá xây dựng công trình; Chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị - nông thôn và dầu khí, bao gồm cả hợp đồng EPC và chia khóa trao tay; Tư vấn xây dựng đơn giá định mức chuyên ngành xây dựng dầu khí; Kinh doanh vật liệu xây dựng và san lấp mặt bằng xây dựng;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng các khu đô thị mới, các khu nhà ở, cao ốc văn phòng, khu thương mại, khu công nghiệp và kinh doanh du lịch; Đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh cảng sông, cảng biển;
- Khai thác hoạt động các dự án dầu khí, bao gồm cả kinh doanh sản phẩm dầu khí, hóa dầu, phân bón, hóa chất; Tàng trữ và vận chuyển xăng, dầu, khí hóa lỏng và các sản phẩm dầu khí; Chế tạo, lắp đặt và sản xuất kinh doanh thiết bị cơ khí phục vụ ngành dầu khí; Lắp đặt hệ thống thiết bị, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong công nghiệp; Lắp đặt các hệ thống đường ống dẫn khí, đường dây tải điện; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị xây dựng dầu khí, điện tử, thương mại và dịch vụ tổng hợp;
- Môi giới thương mại, xúc tiến thương mại, dịch vụ quảng cáo, dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng;
- Kinh doanh bê tông trộn sẵn; Kinh doanh vận tải vật tư, hàng hoá, hành khách bằng đường bộ và đường thủy; Cho thuê máy móc và thiết bị chuyên dùng;
- Dịch vụ tổ chức các sự kiện; Quảng cáo và nghiên cứu thị trường; Khai thác và quản lý dịch vụ văn phòng; Dịch vụ bán lẻ; Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng, khách sạn, nhà hàng, dịch vụ ăn uống; Quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong khu đô thị mới, khu dân cư tập trung về đường giao thông, hệ thống cấp thoát nước, chiếu sáng công cộng; Cung cấp các dịch vụ nhà ở cao tầng; Dịch vụ vệ sinh môi trường; Quản lý khai thác dịch vụ thể thao; Đại lý xăng dầu; Giáo dục mầm non; Vận hành khai thác và xử lý chế biến các chất thải đô thị;



- Khảo sát, lập dự án thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc và bản đồ; Xây dựng điểm tọa độ, độ cao địa chính; Đo vẽ thành lập bản đồ địa hình các tỷ lệ; Xây dựng cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ; Thành lập bản đồ chuyên đề; Khảo sát, đo đạc công trình; Đo đạc thông số môi trường: thực hiện các dịch vụ về dự báo ô nhiễm môi trường, đánh giá tác động môi trường, lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước thuộc lĩnh vực hoạt động của Công ty.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Do đặc thù đa ngành nghề của Công ty nên chu kỳ sản xuất kinh doanh có sự thay đổi theo thời gian và theo từng lĩnh vực cụ thể. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng. Đối với hoạt động xây lắp, một số công trình xây dựng công nghiệp trọng điểm, có nguồn vốn đầu tư từ Ngân sách Nhà nước, v.v chu kỳ sản xuất kinh doanh có thể trên 12 tháng.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 09 chi nhánh phụ thuộc như sau:

1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí – Đội xây dựng số 1
2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí – Đội xây dựng số 2
3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí – Đội xây dựng số 3
4. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí – Đội xây dựng số 4
5. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí – Đội xây dựng số 5
6. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí – Đội xây dựng số 7
7. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí – Đội xây dựng số 9
8. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí – Đội xây dựng số 10
9. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí – Đội xây dựng số 13

#### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Giả định hoạt động liên tục**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 180 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 99 tỷ VND); lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 466,7 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 384,9 tỷ VND) và đã vượt quá vốn góp của chủ sở hữu. Công ty đang thiếu hụt nghiêm trọng khoản vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các yếu tố nêu trên dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông cũng như lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trong tương lai. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa có cam kết hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và chưa có nguồn tạo tiền để đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn và quá hạn.



Ban Giám đốc Công ty chưa chắc chắn hoàn toàn về việc Công ty có khả năng hoạt động ít nhất trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ ngày lập báo cáo tài chính này và quyết định lập báo cáo tài chính của Công ty trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ sự điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ kết quả của sự kiện trên.

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Y  
UHAN  
E  
W  
HA N



Giá gốc của các công trình đang thi công còn đang dở dang được xác định theo chi phí thực tế đã tập hợp trong năm sau khi trừ đi phần chi phí đã kết chuyển vào giá vốn theo tỷ lệ giữa doanh thu và khối lượng hoàn thành nghiệm thu.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	4 - 7
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	6 - 8
Thiết bị quản lý	3 - 4

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau giao cho Công ty sử dụng vô thời hạn, do đó Công ty không trích khấu hao. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính là 5 năm.

#### **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư của Công ty là bất động sản do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

#### **Chi phí trả trước**

Các khoản chi phí trả trước bao gồm khoản chi phí thuê hoạt động và khoản mua sắm công cụ dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng ước tính theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### **Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có khoản lỗ lũy kế là khoảng 466,7 tỷ VND, khoản lỗ này sẽ được xác định phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế và có thể được dùng để bù trừ với các khoản lợi nhuận chịu thuế của các năm tiếp theo nhưng không quá 05 năm kể từ kỳ phát sinh. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản lỗ này do không chắc chắn về thời điểm thu được lợi nhuận trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	113.017	113.017
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	1.844.936.140	1.432.865.552
Các khoản tương đương tiền	-	2.395.000.000
	<b><u>1.845.049.157</u></b>	<b><u>3.827.978.569</u></b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Công ty bao gồm khoảng 22,8 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 30 triệu VND) là tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương đang tạm dừng giao dịch. Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải thu khách hàng các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	41.091.136.453	55.551.617.731
Các khách hàng khác	5.540.357.789	5.505.482.789
	<b><u>46.631.494.242</u></b>	<b><u>61.057.100.520</u></b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty Cổ phần Cơ khí Công nghệ Cao Đại	695.838.152	695.838.152
Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Lưu Ngô Gia	484.855.215	484.855.215
Các đối tượng khác	765.471.800	2.167.545.589
	<b><u>1.946.165.167</u></b>	<b><u>3.348.238.956</u></b>



**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
Phải thu các đội xây dựng (i)	16.819.381.673	18.074.256.284
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích thừa	4.917.824.644	4.917.824.644
Tạm ứng	465.485.022	514.503.908
Phải thu ngắn hạn khác	2.265.451.795	2.265.451.795
	<b><u>24.468.143.134</u></b>	<b><u>25.772.036.631</u></b>

- (i) Thể hiện số tiền chênh lệch giữa chi phí thực tế phát sinh tại các đội xây dựng khi thi công xây dựng công trình và chi phí Công ty giao xuống các đội xây dựng.

**8. NỢ XẤU**

Đối tượng	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u> <b>VND</b>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u> <b>VND</b>	<u>Giá gốc</u> <b>VND</b>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u> <b>VND</b>
<b>Phải thu khó có khả năng thu hồi</b>				
Phải thu đội xây dựng số 5	11.854.459.111	-	11.854.459.111	-
Phải thu đội xây dựng số 9	3.456.405.055	-	3.456.405.055	-
Phải thu Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích thừa	4.917.824.644	-	4.917.824.644	-
Các đối tượng khác	10.881.186.088	-	12.490.427.361	183.402.857
	<b><u>31.109.874.898</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>32.719.116.171</u></b>	<b><u>183.402.857</u></b>

Ban Giám đốc Công ty xác định giá trị có thể thu hồi được bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ đi giá trị đã dự phòng của các khoản phải thu này.

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u> <b>VND</b>	<u>Dự phòng</u> <b>VND</b>	<u>Giá gốc</u> <b>VND</b>	<u>Dự phòng</u> <b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu (i)	2.288.829.278	(840.906.619)	2.288.829.278	(840.906.619)
Công cụ, dụng cụ	11.536.185	-	11.536.185	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.294.371.822	-	11.523.531.052	-
Hàng hóa	217.748.615.422	(95.748.615.422)	217.748.615.422	(34.303.365.246)
- Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu (ii)	217.748.615.422	(95.748.615.422)	217.748.615.422	(34.303.365.246)
	<b><u>235.343.352.707</u></b>	<b><u>(96.589.522.041)</u></b>	<b><u>231.572.511.937</u></b>	<b><u>(35.144.271.865)</u></b>

- (i) Công ty đã đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của nguyên liệu, vật liệu và trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 840.906.619 VND.



- (ii) Phản ánh giá trị hàng hóa bất động sản đầu tư tại Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu ("Bạc Liêu Tower"). Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp giá trị hàng hóa này để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Cà Mau (Oceanbank Cà Mau). Ngày 25 tháng 3 năm 2019, Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bạc Liêu đã ban hành Thông báo số 96/TB-CCTHADS về việc bán đấu giá thành công Bạc Liêu Tower, theo đó, giá trúng đấu giá là 122.000.000.000 VND (chưa gồm thuế giá trị gia tăng), người trúng đấu giá là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Kỹ thuật VP Home. Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của Tòa nhà Bạc Liêu Tower là giá trúng đấu giá nêu trên và trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tương ứng. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính, Công ty đang tiếp tục làm việc với các bên liên quan để thực hiện các thủ tục chuyển nhượng Bạc Liêu Tower.

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày đầu năm	13.262.588.220	905.886.765	7.602.332.085	1.159.389.682	22.930.196.752
Thanh lý, nhượng bán	-	(561.398.333)	(4.628.229.122)	(293.289.204)	(5.482.916.659)
Tại ngày cuối năm	13.262.588.220	344.488.432	2.974.102.963	866.100.478	17.447.280.093
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày đầu năm	4.498.940.645	878.013.079	7.438.008.860	1.159.389.682	13.974.352.266
Trích khấu hao trong năm	592.121.988	27.873.686	63.778.773	-	683.774.447
Thanh lý, nhượng bán	-	(561.398.333)	(4.628.229.122)	(293.289.204)	(5.482.916.659)
Tại ngày cuối năm	5.091.062.633	344.488.432	2.873.558.511	866.100.478	9.175.210.054
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	8.763.647.575	27.873.686	164.323.225	-	8.955.844.486
Tại ngày cuối năm	8.171.525.587	-	100.544.452	-	8.272.070.039

Nguyên giá của tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 9.391.829.441 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 13.711.045.666 VND).

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày đầu năm	101.250.000	237.068.800	338.318.800
Tại ngày cuối năm	101.250.000	237.068.800	338.318.800
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày đầu năm	-	237.068.800	237.068.800
Tại ngày cuối năm	-	237.068.800	237.068.800
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	101.250.000	-	101.250.000
Tại ngày cuối năm	101.250.000	-	101.250.000



**12. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác thể hiện khoản đầu tư mua 540.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C (Công ty 3C) theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 30 tháng 12 năm 2011 giữa Công ty và Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty không thu thập được báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty 3C cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và quyết định trích lập và ghi nhận dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư trên vào chi phí tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 với số tiền là 5.400.000.000 VND.

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số có khả năng		Số có khả năng	
	Giá trị VND	trả nợ VND	Giá trị VND	trả nợ VND
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Hiệp Thành	5.560.380.611	(i)	6.710.035.484	(i)
Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Liên Sơn	4.804.823.158	(i)	7.304.823.158	
Công ty Cổ phần Bê tông Sài Gòn	3.067.348.466	(i)	5.067.495.315	(i)
Các đối tượng khác	34.139.519.787	(i)	47.183.186.171	(i)
	<b>47.572.072.022</b>		<b>66.265.540.128</b>	
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b> (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	<b>738.172.700</b>	<b>(i)</b>	<b>2.803.632.514</b>	<b>(i)</b>

(i) Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang tìm các giải pháp để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	1.000.899.140	1.000.899.140
Các đối tượng khác	692.794.263	692.794.263
	<b>1.693.693.403</b>	<b>1.693.693.403</b>



**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

Chi tiêu	Phát sinh trong năm				
	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số được khấu trừ/Phân loại lại	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	14.630.367.269	1.212.045.410	57.298.223	2.249.182.370	13.535.932.086
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.246.421.108	-	-	(204.191)	1.246.625.299
Các loại thuế khác	17.982.369.430	3.278.325.415	286.141.371	-	20.974.553.474
Thuế thu nhập cá nhân	2.174.935.476	43.334.606	32.060.662	-	2.186.209.420
Thuế khác	15.807.433.954	3.234.990.809	254.080.709	-	18.788.344.054
	<b>33.859.157.807</b>	<b>4.490.370.825</b>	<b>343.439.594</b>	<b>2.248.978.179</b>	<b>35.757.110.859</b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi vay phải trả	82.263.534.754	63.164.837.536
Trích trước chi phí thi công công trình	14.300.097.392	11.005.083.686
Chi phí phải trả khác	63.636.363	205.602.985
	<b>96.627.268.509</b>	<b>74.375.524.207</b>

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (i)	50.000.000.000	50.000.000.000
Ban Quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau (ii)	8.697.686.626	8.697.686.626
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (iii)	5.221.876.372	5.400.000.000
Kinh phí công đoàn	271.385.413	291.915.231
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	429.013.952	429.013.952
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	528.258.068	528.258.068
	<b>65.148.220.431</b>	<b>65.346.873.877</b>

(i) Phản ánh khoản phải trả Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVGas) liên quan đến việc chuyển đổi chủ đầu tư của dự án Bạc Liêu Tower. Công ty có trách nhiệm thanh toán cho PVGas số tiền là 50.000.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển đổi chủ đầu tư Dự án Bạc Liêu Tower ngày 12 tháng 8 năm 2010 ký giữa Công ty và PVGas.

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang tìm các giải pháp để thanh toán khoản công nợ này.

(ii) Phản ánh số phải trả tiền nhận ứng trước lớn hơn giá trị quyết toán các công trình Công ty đã thi công cho Ban Quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau.

(iii) Phản ánh khoản phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về nhận chuyển nhượng khoản đầu tư mua 540.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C như trình bày tại Thuyết minh số 12.



**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Chi tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND		VND
Vay ngắn hạn	119.539.630.318	(i)	-	-	119.539.630.318	(i)
	<b>119.539.630.318</b>	-	-	-	<b>119.539.630.318</b>	-

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 001-0012/2013/HDTDHM1-OCEANBANK.CNCAMAU ngày 30 tháng 10 năm 2013 tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Cà Mau (Oceanbank Cà Mau) với hạn mức là 120 tỷ VND, thời hạn cung cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mức lãi suất được quy định theo từng lần giải ngân. Khoản vay này được Công ty dùng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất đối với thửa đất có diện tích 2.812,2 m<sup>2</sup> của Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu tại phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu như đã trình bày tại Thuyết minh số 9.

Ngày 25 tháng 4 năm 2017, Tòa án nhân dân Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ ("Tòa án") đã tuyên án bản án sơ thẩm số 09/2017/KDTM-ST về vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" với nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương ("Oceanbank"). Theo đó, Tòa án tuyên án chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Oceanbank buộc Công ty phải có trách nhiệm trả Oceanbank số nợ gốc vay, lãi trong hạn và lãi quá hạn. Trong trường hợp Công ty không trả được số nợ nêu trên thì Oceanbank có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018, Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bạc Liêu đã ban hành Thông báo số 31/TB-CCTHADS cưỡng chế thi hành án vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" nói trên bằng biện pháp kê biên, xử lý tài sản là Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu ("Bạc Liêu Tower"), máy móc thiết bị và các hạng mục công trình phụ trợ khác nằm trên đất theo quyền sử dụng đất thuê của Nhà nước, tọa lạc tại khóm 01, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Ngày 25 tháng 3 năm 2019, Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bạc Liêu đã ban hành Thông báo về việc bán đấu giá thành công Tòa nhà Bạc Liêu Tower. Công ty đang tiếp tục làm việc với OceanBank Cà Mau, Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bạc Liêu và các đối tác để thực hiện các thủ tục chuyển nhượng Bạc Liêu Tower.

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

***Thay đổi trong vốn chủ sở hữu***

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	(Lỗ) lũy kế	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	280.689.000.000	6.126.552.489	8.147.302.725	(312.232.259.694)	(17.269.404.480)
(Lỗ) trong năm	-	-	-	(72.741.073.363)	(72.741.073.363)
Số dư đầu năm nay	280.689.000.000	6.126.552.489	8.147.302.725	(384.973.333.057)	(90.010.477.843)
(Lỗ) trong năm	-	-	-	(81.693.823.550)	(81.693.823.550)
Số dư cuối năm nay	280.689.000.000	6.126.552.489	8.147.302.725	(466.667.156.607)	(171.704.301.393)



**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 23 tháng 10 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty là 280.689.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi		Vốn đã góp			
			Tại ngày cuối năm		Tại ngày đầu năm	
	VND	%	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	150.000.000.000	53,44%	150.000.000.000	53,44%	150.000.000.000	53,44%
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	100.000.000.000	35,63%	100.000.000.000	35,63%	100.000.000.000	35,63%
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	18.202.000.000	6,48%	18.202.000.000	6,48%	18.202.000.000	6,48%
Cổ đông khác	12.487.000.000	4,45%	12.487.000.000	4,45%	12.487.000.000	4,45%
	<b>280.689.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>280.689.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>280.689.000.000</b>	<b>100%</b>

**Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	28.068.900	28.068.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	28.068.900	28.068.900

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Trong năm, hoạt động chủ yếu của Công ty là thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp trong ngành dầu khí và các công trình tư vấn đầu tư xây dựng tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn đã được trình bày chi tiết theo doanh thu và giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Thuyết minh số 21 và Thuyết minh số 22.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

1.001  
CÔNG  
CH NH  
ELI  
VIỆT  
ĐA



**21. DOANH THU VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Doanh thu hoạt động tư vấn	13.090.909	1.131.970.599
Doanh thu cung cấp dịch vụ	412.581.817	2.105.089.119
Doanh thu hoạt động xây lắp	7.487.355.838	157.566.919.831
Doanh thu khác	1.738.682.656	244.021.976
	<b>9.651.711.220</b>	<b>161.048.001.525</b>
Trong đó:		
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b> (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	<b>6.766.330.920</b>	<b>158.048.834.527</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Giá vốn hoạt động tư vấn	10.474.671	1.189.050.805
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	140.857.773	1.309.112.106
Giá vốn hoạt động xây lắp	8.192.030.629	151.085.624.803
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	61.445.250.176	840.906.619
	<b>69.788.613.249</b>	<b>154.424.694.333</b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	419.948.138	52.058.314.252
Chi phí nhân công	2.933.281.020	9.963.697.571
Chi phí khấu hao tài sản cố định	683.774.447	878.568.332
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.825.529.378	101.715.787.722
Chi phí khác bằng tiền	1.354.802.568	3.992.649.140
	<b>16.217.335.551</b>	<b>168.609.017.017</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí lãi vay	19.098.697.218	55.322.427.476
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	5.400.000.000
	<b>19.098.697.218</b>	<b>60.722.427.476</b>

250  
IG T  
EM H  
JIT  
NA  
- TP



**25. THU NHẬP KHÁC**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.942.253.912	2.064.777.031
Giảm công nợ phải trả thông qua đàm phán	89.011.000	1.763.802.973
Thu nhập khác	1.035.848.843	1.750.586.921
	<b><u>3.067.113.755</u></b>	<b><u>5.579.166.925</u></b>

**26. CHI PHÍ KHÁC**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Thuế, lãi phạt chậm nộp (i)	2.189.653.776	4.852.806.761
Chi phí khác	184.547.154	7.490.532.906
	<b><u>2.374.200.930</u></b>	<b><u>12.343.339.667</u></b>

(i) Phản ánh các khoản tiền thuế, tiền lãi phạt chậm nộp thuế của Văn phòng và các chi nhánh của Công ty theo các Thông báo thuế trong năm 2018 của Cục Thuế thành phố Cần Thơ và Cục Thuế tỉnh Cà Mau.

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
<b>(Lỗ) trước thuế</b>	<b>(81.693.823.550)</b>	<b>(72.741.073.363)</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>2.374.200.930</b>	<b>12.343.339.667</b>
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.374.200.930	12.343.339.667
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế suất thông thường	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**28. (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lỗ cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>(81.693.823.550)</b>	<b>(72.741.073.363)</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)	28.068.900	28.068.900
<b>(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>(2.910)</b>	<b>(2.592)</b>

**29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Cổ đông
Các đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn



**Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	<b>6.766.330.920</b>	<b>158.048.834.527</b>
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	6.766.330.920	153.301.878.554
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	1.785.070.510
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - Ban điều hành dự án phía Nam	-	1.569.081.908
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	-	1.392.803.555
<b>Mua hàng, dịch vụ</b>	<b>2.066.678.545</b>	<b>3.473.021.659</b>
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	2.066.678.545	3.473.021.659
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc</b>	<b>77.085.000</b>	<b>604.905.023</b>

**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>41.091.136.453</b>	<b>55.551.617.731</b>
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	32.893.085.303	45.095.176.849
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	6.422.953.165	6.422.953.165
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - Ban điều hành Dự án phía Nam	1.775.097.985	1.670.172.337
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	293.713.640
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	-	275.905.944
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	-	1.712.545.965
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	81.149.831
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>1.000.899.140</b>	<b>1.000.899.140</b>
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	1.000.899.140	1.000.899.140
<b>Phải trả người bán</b>	<b>738.172.700</b>	<b>2.803.632.514</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	2.065.459.814
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam	738.172.700	738.172.700
<b>Phải trả khác</b>	<b>63.919.562.998</b>	<b>64.097.686.626</b>
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	50.000.000.000	50.000.000.000
Ban Quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau	8.697.686.626	8.697.686.626
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5.221.876.372	5.400.000.000



**Nguyễn Xuân Liêm**  
Người lập biểu/  
Phụ trách kế toán

Ngày 29 tháng 3 năm 2019



**Nguyễn Thị Mỹ Linh**  
Giám đốc